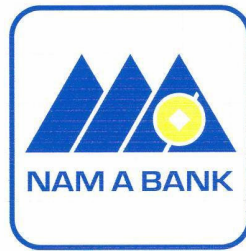


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKKD số **059027** do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, thay đổi lần thứ 20 ngày 07/12/2007)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 251/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007)

BẢN CÁO BẠCH NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

Địa chỉ: 97 Bis Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 299 408 (305) – (84.8) 9 141 193 Fax: (84.8) 8 213 655

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Lê Khánh Hiền

Trưởng Văn phòng Hội đồng quản trị

Số điện thoại: (84.8) 9 142 613

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, thay đổi lần thứ 20 ngày 07/12/2007)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á

Mệnh giá : 10.000 VNĐ/cổ phiếu

Giá bán :- Cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên: 10.000 VNĐ/1 cổ phần

- Các nhà đầu tư: Hội đồng quản trị sẽ xem xét, quyết định giá bán cổ phần theo giá thị trường vào thời điểm bán, dự kiến 50.000 VNĐ /1 cổ phần.

Tổng số lượng chào bán : **77.407.526 cổ phần**

Tổng giá trị chào bán : **774.075.260.000 VNĐ**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ : 229 ĐỒNG KHỞI, QUẬN I, TP.HỒ CHÍ MINH

Điện thoại : (84.8) 8 272 295

Fax : (84.8) 8 272 300

MỤC LỤC

I.	Các nhân tố rủi ro	4
1.	Rủi ro về lãi suất	4
2.	Rủi ro tín dụng	4
3.	Rủi ro về ngoại hối	4
4.	Rủi ro về thanh khoản.....	5
5.	Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng	5
6.	Rủi ro luật pháp	5
7.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán	5
8.	Rủi ro về hoạt động	6
9.	Rủi ro khác	6
II.	Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản cáo bạch.....	7
III.	Các khái niệm.....	7
IV.	Các từ viết tắt.....	11
PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á		
V.	Tình hình và đặc điểm của Ngân hàng TMCP Nam Á.....	12
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
2.	Giới thiệu về Ngân hàng TMCP Nam Á.....	13
3.	Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Nam Á.....	14
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng TMCP Nam Á.....	17
5.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần	18
6.	Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng Nam Á	18
7.	Công ty trực thuộc Ngân hàng Nam Á	18
8.	Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á	19
8.1.	Huy động vốn	19
8.2.	Hoạt động tín dụng	20
8.3.	Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế	21
8.4.	Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2005 và năm 2006	22
8.5.	Hoạt động ngân hàng đại lý	22
8.6.	Thị trường hoạt động	22
8.7.	Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện	28
9.	Vị thế của Ngân hàng Nam Á	29

10. Tình hình tài chính năm 2005, năm 2006	30
11. Chính sách đối với người lao động	31
12. Chính sách cổ tức	32
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	32
14. Tài sản cố định của Ngân hàng Nam Á	38
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2007	38
PHẦN 2: CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	
VI. Sự cần thiết của việc gia tăng vốn điều lệ	39
VII. Cổ phiếu chào bán	39
1. Loại cổ phiếu	39
2. Mệnh giá.....	39
3. Tổng số lượng chào bán	39
4. Giá chào bán dự kiến.....	39
5. Phương pháp tính giá.....	40
6. Phương thức phân phối.....	40
7. Phương thức chào bán cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài.....	40
8. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	40
9. Đăng ký mua cổ phiếu.....	40
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	41
11. Các loại thuế có liên quan.....	41
12. Các quy định khác về việc phát hành cổ phần.....	41
VIII. Mục đích chào bán.....	41
1. Mục đích chào bán.....	41
2. Phạm vi phát hành.....	42
3. Phương án phát hành	42
IX. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	43
X. Khả năng quản trị, năng lực quản lý, giám sát của Ngân hàng Nam Á	44
XI. Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng	44
PHỤ LỤC	46

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất xảy ra khi có sự biến động về lãi suất thị trường và nó tác động đến thu nhập và chi phí hoạt động của ngân hàng.

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Ngân hàng Nam Á đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở phân tích đánh giá chênh lệch về kỳ hạn, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản từ đó đưa ra các biện pháp xử lý cụ thể:

- Hội sở thực hiện quản lý, kinh doanh vốn tập trung;
- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này cho phép Ngân hàng có thể thay đổi linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với sự biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của NHNN.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động Ngân hàng Nam Á do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng Nam Á đang áp dụng một số biện pháp như sau:

- Tuân thủ các quy định của NHNN về công tác tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn;
- Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho các CBNV thực hiện công tác tín dụng;
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chính sách về quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng: quy định về phân quyền, hạn mức phê duyệt,...;
- Xây dựng chính sách tín dụng theo hướng đa dạng hóa sản phẩm;
- Chuẩn hóa quy trình tín dụng với các quy định chặt chẽ về kiểm soát, áp dụng các mẫu biểu thống nhất trong toàn hệ thống;
- Phân loại, quản lý và xử lý các khoản nợ xấu;
- Trích lập dự phòng rủi ro theo quy định.

3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái làm cho giá trị của các loại “tài sản Có” và “tài sản Nợ” bằng ngoại tệ, vàng giảm đi.

Để giảm thiểu rủi ro về ngoại hối, Ngân hàng Nam Á đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của NHNN;

- Quản lý trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận; quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

4. Rủi ro về thanh khoản

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Nam Á thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Ngân hàng Nam Á thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của NHNN;
- Hội sở quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho toàn hệ thống thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Ngân hàng Nam Á luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng, cổ đông hiểu rõ mọi hoạt động của Ngân hàng, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.

5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hầu hết các khoản bảo lãnh L/C, các khoản Ngân hàng Nam Á cam kết cho vay đều có tài sản đảm bảo do đó khả năng các khoản nêu trên gây ra những biến động ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Ngân hàng Nam Á là rất thấp.

6. Rủi ro luật pháp

Là công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, Ngân hàng Nam Á luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, NHNN, Bộ tài chính, UBCKNN. Do vậy việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Ngân hàng Nam Á. Tuy nhiên với định hướng phát triển kinh doanh ổn định, lâu dài; tình hình tài chính minh bạch; kinh nghiệm quản trị, Ngân hàng Nam Á sẽ thích ứng nhanh với những thay đổi về các quy định.

7. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán là có thể giá bán không được như mong đợi và số lượng cổ phiếu chào bán không bán được hết, tuy nhiên tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng đến giá bán, số lượng cổ phiếu đã được HĐQT Ngân hàng Nam Á xem xét trên cơ sở phân tích giá của các cổ phiếu trên thị trường,

tình hình tài chính của Ngân hàng Nam Á, nhu cầu của thị trường,...do đó khả năng xảy ra rủi ro rất thấp.

Theo phương án phát hành, hầu hết nguồn vốn huy động trong đợt tăng vốn này là sử dụng đầu tư vào cơ sở vật chất, kỹ thuật do đó rủi ro chỉ xảy ra khi giá của bất động sản bị giảm sút dẫn đến phải đánh giá lại trị giá tài sản, tuy nhiên với xu hướng kinh tế phát triển, các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng gia tăng vốn đầu tư, thị trường bất động sản về văn phòng cho thuê chưa đáp ứng nhu cầu của các DN do đó khả năng xảy ra rủi ro là rất thấp.

8. Rủi ro về hoạt động

Hoạt động ngân hàng chịu nhiều rủi ro, rủi ro chủ yếu là:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản;
- Rủi ro thị trường: là những rủi ro phát sinh khi có sự thay đổi bất thường về: lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá chứng khoán do Ngân hàng nắm giữ, giá các tài sản khác do Ngân hàng nắm giữ trong quá trình hoạt động kinh doanh;
- Rủi ro tác nghiệp.

Trong các rủi ro nêu trên thì rủi ro tín dụng xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á vì hiện nay hoạt động chủ yếu của Ngân hàng là cho vay, do đó Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nam Á đã thực hiện chủ trương đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, đa dạng hóa đối tượng cho vay, trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định, xây dựng quy trình tín dụng chặt chẽ, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ tín dụng....nhằm hạn chế tối đa những tổn thất khi rủi ro tín dụng xảy ra.

Với kế hoạch đầy mạnh, đa dạng hóa danh mục đầu tư nhằm tăng lợi nhuận và giảm phụ thuộc vào nguồn thu từ hoạt động tín dụng, trong điều kiện thị trường chứng khoán có nhiều biến động, dự báo trong thời gian tới lãi suất sẽ biến động, rủi ro về thanh khoản, rủi ro thị trường có thể xảy ra, để chủ động xử lý và hạn chế tổn thất khi xảy ra rủi ro Ban Lãnh đạo đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý về vốn; lựa chọn, quản lý chặt chẽ danh mục đầu tư;

Để kiểm soát rủi ro tác nghiệp Ngân hàng Nam Á đã xây dựng hệ thống kiểm tra kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo các giao dịch đều được kiểm soát trước khi thực hiện.

9. Rủi ro khác (thiên tai, địch họa, cháy nổ,...)

Để hạn chế tổn thất khi xảy ra rủi ro về thiên tai, địch họa, cháy nổ, ... Ngân hàng Nam Á đã thực hiện bảo hiểm tiền gửi theo quy định của NHNN, xây dựng phương án bảo toàn dữ liệu trong trường hợp xảy ra rủi ro do bất khả kháng, xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, bảo hiểm tài sản.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

- Ông : HUỖNH THÀNH CHUNG Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông : NGUYỄN VĂN DẬU Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Ông : TRƯƠNG MINH KHAI Chức vụ: Tổng giám đốc
- Bà : PHẠM THỊ THU HỒNG Chức vụ: Q.Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Nhóm từ	Giải thích từ ngữ
Bản cáo bạch	<i>Bản công bố thông tin của Ngân hàng Nam Á về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.</i>
Điều lệ	<i>Điều lệ của Ngân hàng Nam Á đã được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Nam Á thông qua và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</i>
Vốn điều lệ	<i>Số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Ngân hàng Nam Á.</i>
Cổ phần	<i>Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau</i>
Cổ phiếu	<i>Là chứng chỉ do Ngân hàng Nam Á phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần Ngân hàng Nam Á. Cổ phiếu của Ngân Hàng Nam Á có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ Ngân Hàng Nam Á.</i>
Cổ đông	<i>Là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân Hàng Nam Á và đăng ký tên trong “sổ đăng ký cổ đông” của Ngân Hàng Nam Á với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.</i>
Sổ đăng ký cổ đông	<i>Là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN.</i>
Cổ tức	<i>Số tiền được trích từ lợi nhuận hàng năm của Ngân hàng Nam Á để trả cho mỗi cổ phần</i>
Dự phòng rủi ro	<i>Là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của Ngân hàng Nam Á không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết.</i>

	<i>Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động.</i>
<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Là khoản tiền được trích lập trên cơ sở phân loại cụ thể các khoản nợ theo quy định để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra.</i>
<i>Dự phòng chung</i>	<i>Là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của Ngân hàng Nam Á khi chất lượng các khoản nợ suy giảm</i>
<i>Tổng dư nợ cho vay</i>	<i>Bao gồm dư nợ cho vay trong hạn, dư nợ cho vay quá hạn, dư nợ cho vay được khoan và dư nợ cho vay chờ xử lý của Ngân hàng Nam Á</i>
<i>Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ</i>	<i>Là khoản nợ mà Ngân hàng Nam Á chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ cho khách hàng do Ngân hàng Nam Á đánh giá khách hàng suy giảm khả năng trả nợ gốc hoặc lãi đúng thời hạn ghi trong hợp đồng tín dụng nhưng Ngân hàng Nam Á có đủ cơ sở để đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ đã cơ cấu lại.</i>
<i>Nợ nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)</i>	<i>Nợ nhóm 1: bao gồm</i> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ trong hạn mà Ngân hàng Nam Á đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn - Các khoản nợ mà khách hàng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã được cơ cấu lại tối thiểu trong vòng một (01) năm đối với các khoản nợ trung và dài hạn, ba (03) tháng đối với các khoản nợ ngắn hạn và được Ngân hàng Nam Á đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi đúng thời hạn theo thời hạn đã được cơ cấu lại.
<i>Nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý)</i>	<i>Nhóm 2 bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ quá hạn dưới 90 ngày; - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại; - Các khoản nợ khác được phân loại vào nhóm 2: <ul style="list-style-type: none"> ➢ Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một (01) khoản nợ với Ngân hàng Nam Á mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng Nam Á bắt buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro. ➢ Trường hợp các khoản nợ (kể cả các khoản nợ

	<p>trong hạn và các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại) mà Ngân hàng Nam Á có đủ cơ sở để đánh giá là khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm thì Ngân hàng Nam Á chủ động tự quyết định phân loại các khoản nợ đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.</p>
<p>Nợ nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)</p>	<p>Nhóm 3 bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ quá hạn từ 90 đến 180 ngày; - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại; - Các khoản nợ khác được phân loại vào nhóm 3: <ul style="list-style-type: none"> ➢ Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một (01) khoản nợ với Ngân hàng Nam Á mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng Nam Á bắt buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro. ➢ Trường hợp các khoản nợ (kể cả các khoản nợ trong hạn và các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại) mà Ngân hàng Nam Á có đủ cơ sở để đánh giá là khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm thì Ngân hàng Nam Á chủ động tự quyết định phân loại các khoản nợ đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.
<p>Nợ nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)</p>	<p>Nhóm 4 bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày; - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn từ 90 ngày đến 180 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại; - Các khoản nợ khác được phân loại vào nhóm 4: <ul style="list-style-type: none"> ➢ Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một (01) khoản nợ với Ngân hàng Nam Á mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng Nam Á bắt buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro. ➢ Trường hợp các khoản nợ (kể cả các khoản nợ trong hạn và các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại) mà Ngân hàng Nam Á có đủ cơ sở để đánh giá là khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm thì Ngân hàng Nam Á chủ động tự quyết định phân loại các khoản nợ đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Nợ nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)	<p><i>Nhóm 5 bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; - Các khoản nợ khoanh chờ Chính phủ xử lý. - Các khoản nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn trên 180 ngày theo thời hạn đã được cơ cấu lại; - Các khoản nợ khác được phân loại vào nhóm 5: <ul style="list-style-type: none"> ➢ Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một (01) khoản nợ với Ngân hàng Nam Á mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng Nam Á bắt buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro. ➢ Trường hợp các khoản nợ (kể cả các khoản nợ trong hạn và các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại) mà Ngân hàng Nam Á có đủ cơ sở để đánh giá là khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm thì Ngân hàng Nam Á chủ động tự quyết định phân loại các khoản nợ đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.
Nợ quá hạn	<i>Là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn</i>
Nợ xấu	<i>Là các khoản nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5</i>
Trạng thái ngoại tệ	<i>Là số dư ngoại tệ trên tài khoản ngoại tệ của Ngân hàng Nam Á</i>
Trạng thái ngoại tệ mở (chưa cân bằng)	<i>Là trạng thái phát sinh do mua và cam kết mua (hoặc bán và cam kết bán) ngoại tệ nhưng chưa bán (hoặc mua) lại. Trạng thái mở phát sinh do mua gọi là dư thừa (trạng thái trường). Trạng thái mở phát sinh do bán gọi là dư thiếu (trạng thái đoản).</i>
Hạn mức giao dịch	<i>Là mức trị giá tối đa được phép thực hiện trong giao dịch mua, bán một lượng ngoại tệ / vàng</i>
Mức dừng lỗ (Stoploss)	<i>Là mức giới hạn chênh lệnh giá bất lợi tối đa giữa giá gốc của “trạng thái ngoại hối mở” so với giá thị trường tại thời điểm đánh giá.</i>
Huy động trên thị trường I	<i>bao gồm nhận tiền gửi của các tổ chức kinh tế, dân cư; tiền tiết kiệm của dân cư</i>
Huy động trên thị trường II	<i>Huy động từ các Tổ chức tín dụng trên thị trường liên ngân hàng</i>

IV. CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ngân hàng Nam Á	<i>Ngân hàng TMCP Nam Á</i>
DHĐCĐ	<i>Đại hội đồng cổ đông</i>
HĐQT	<i>Hội đồng quản trị</i>
NHNN	<i>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>
UBCKNN	<i>Ủy ban chứng khoán Nhà nước</i>
TCTD	<i>Tổ chức tín dụng</i>
TMCP	<i>Thương mại cổ phần</i>
NH	<i>Ngân hàng</i>
CTY	<i>Công ty</i>
DN	<i>Doanh nghiệp</i>
TNHH	<i>Trách nhiệm hữu hạn</i>
CNĐKKD	<i>Chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>
BP	<i>Bộ phận</i>
CN	<i>Chi nhánh</i>
P	<i>Phòng</i>
CBCNV	<i>Cán bộ công nhân viên</i>
QC	<i>Quy chế</i>
QT	<i>Quy trình</i>
NV	<i>Nghiệp vụ</i>
L/C	<i>Tín dụng thư</i>
TS	<i>Tài sản</i>

PHẦN 1

GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG NAM Á

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÂN HÀNG NAM Á

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 21/10/1992, Ngân hàng Nam Á được thành lập, và là một trong những ngân hàng TMCP đầu tiên của Việt Nam. Nhạy bén nắm bắt thời cơ, xác định đúng đắn chiến lược phát triển, năng động trong điều hành, với đội ngũ nhân viên lao động nhiệt tình, sáng tạo, sau 14 năm hoạt động, Ngân hàng Nam Á đã đạt được thành tích:

- Phát triển mạng lưới hoạt động tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước, đến 30/08/2007 Ngân hàng Nam Á đã có 14 chi nhánh và 24 Phòng giao dịch.
- Vốn điều lệ của Nam Á liên tục tăng lên những năm gần đây từ 150 tỷ đồng đến tháng 06 năm 2007 đạt 575,92 tỷ đồng. Theo kế hoạch nâng cao năng lực tài chính, Ngân hàng Nam Á dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ lên 1.350 tỷ đồng vào cuối năm 2007 và tiếp tục từ nay đến năm 2010 sẽ tăng vốn lên trên 3.000 tỷ đồng để có thể đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới.
- Hoạt động kinh doanh của 03 năm gần đây:
 - Năm 2004: tổng giá trị tài sản tăng đến 42,4% so với năm 2003, vốn huy động tăng trưởng 40%, dư nợ cho vay tăng 29,76%, lợi nhuận trước thuế tăng 38,67 % so với năm 2003. Sau khi nộp thuế và trích lập các quỹ theo quy định, cổ tức đạt 13,13 %.
 - Năm 2005: là năm mà ngành ngân hàng Việt Nam phát triển mạnh mẽ, hòa nhập vào xu thế phát triển chung và nâng cao năng lực cạnh tranh, đến cuối năm 2005, tổng tài sản của Ngân hàng Nam Á tăng hơn 36%, huy động vốn tăng 37%, dư nợ cho vay tăng 58%, lợi nhuận trước thuế tăng hơn 42% so với năm 2004, cổ tức đạt 12,30 %.
 - Năm 2006 là năm mà Ngân hàng Nam Á đã đạt được những thành công đáng kể trên nhiều lĩnh vực, đến cuối năm 2006, tổng tài sản của Ngân hàng Nam Á tăng hơn 142%, huy động vốn tăng 126,89%, dư nợ cho vay tăng 63,66%, lợi nhuận trước thuế tăng 85% so với năm 2005, cổ tức đạt 11,12 %.

Năm 2006, Ngân hàng Nam Á đạt được nhiều giải thưởng về thương hiệu có giá trị:

- Được người tiêu dùng bình chọn “Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam” từ cuộc khảo sát của công ty AC Nielsen;
- Ngân hàng Nam Á được nhận bằng khen của Thống đốc NHNN ban hành kèm theo QĐ số: 1285/QĐ-NHNN9 ngày 26/06/2006 về việc khen tặng cán bộ nhân viên Ngân hàng Nam Á đã đạt thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng Nam Á năm 2005.

- Ngân hàng Nam Á nhận giấy chứng nhận “Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng quốc gia” của Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam trao tặng và trở thành thành viên của tổ chức này.


Năm 2007 là năm Ngân hàng Nam Á tiếp tục nâng cao năng lực tài chính để mở rộng quy mô hoạt động. Ngoài việc tiếp tục phát triển mạng lưới, Ngân hàng Nam Á tập trung đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ thông tin và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ như:

- Thúc đẩy hoạt động tín dụng với khách hàng doanh nghiệp và tài trợ xuất nhập khẩu;
- Phát triển các loại hình dịch vụ như: kiều hối, tham gia góp vốn đầu tư kinh doanh bảo hiểm, đầu tư chứng khoán...

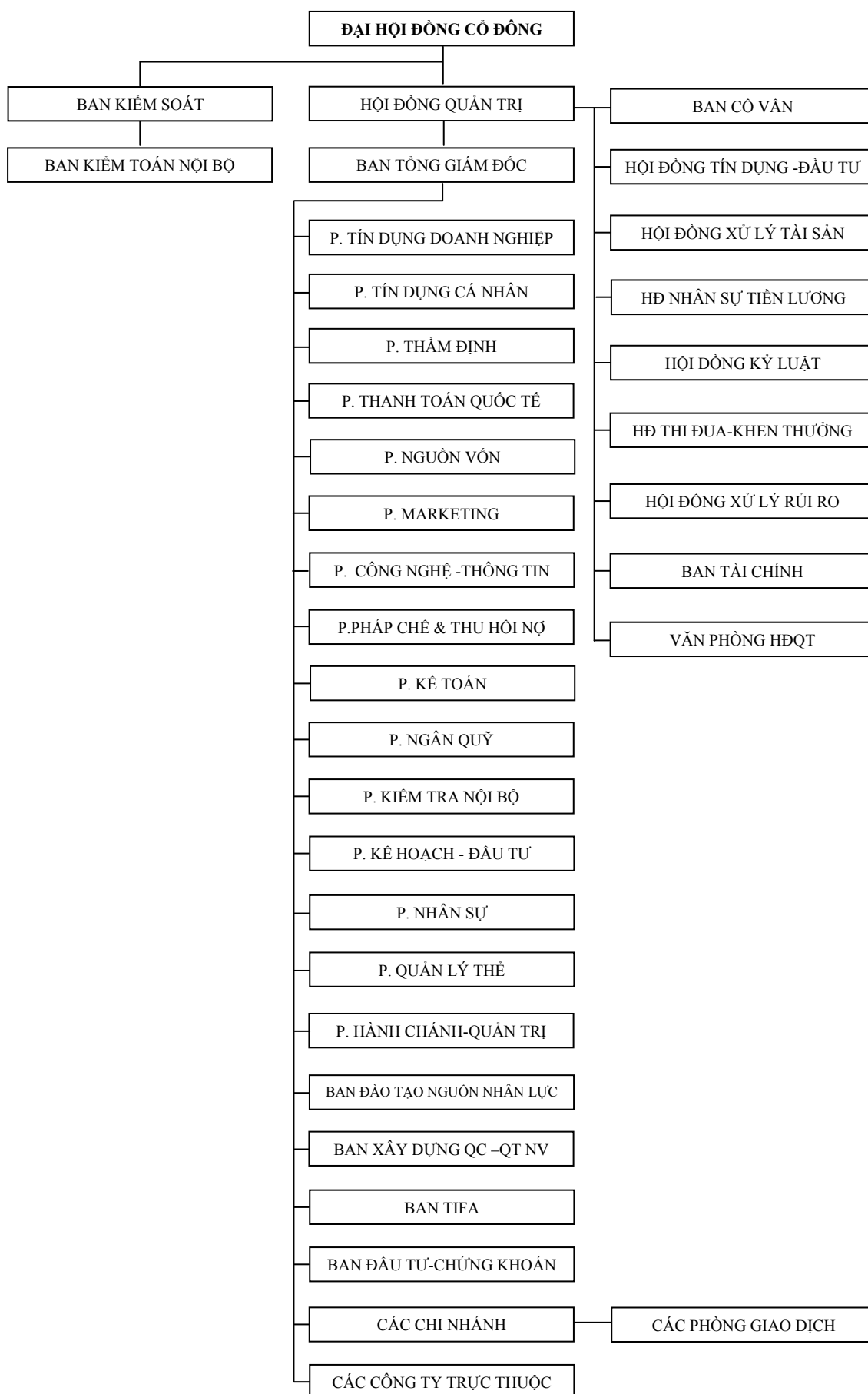
2. Giới thiệu về Ngân hàng TMCP Nam Á

- Tên tổ chức : NGÂN HÀNG TMCP NAM Á
- Tên giao dịch quốc tế : NAM A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt : NAM A BANK
- Trụ sở chính : 97 BIS HÀM NGHI, QUẬN I, TP.HCM
- Điện thoại : (84.8) 8 299 408
- Fax : (84.8) 8 299 402
- Website : www.nab.com.vn
- Email : nabank@nab.com.vn
- Swift code : NAMAVNVX



- Logo :  NGÂN HÀNG NAM Á
- Vốn điều lệ : 575.924.740.000 VNĐ
- Giấy phép thành lập : 463/GP-UB do UBND TP.HCM cấp
- Giấy phép hoạt động : 0026/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước VN cấp
- Giấy CNĐKKD : 059027 do Sở Kế hoạch-Đầu tư TP.HCM cấp
- Tài khoản : 4531.00812 tại NHNN Chi nhánh TP.HCM
- Mã số thuế : 0300872315-1
- Ngành nghề kinh doanh :
 - + Huy động vốn, ngắn hạn, trung hạn, dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
 - + Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác;
 - + Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn;
 - + Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá;
 - + Hùn vốn và liên doanh;
 - + Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
 - + Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài;
 - + Thực hiện hoạt động bao thanh toán.

3. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á



Chức năng của các Hội đồng, Phòng (Ban):

- 3.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân Hàng Nam Á và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Ngân hàng Nam Á quy định.
- 3.2. Ban Cố vấn: cố vấn cho Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh Ngân hàng Nam Á, phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, phát triển nguồn nhân lực, hoạt động đối ngoại, hoạt động đầu tư, liên doanh, liên kết,...
- 3.3. Hội đồng Tín dụng- Đầu tư: xét duyệt các khoản cho vay, bảo lãnh vượt quá 5% vốn điều lệ; xét duyệt các phương án đầu tư hợp tác, góp vốn liên doanh với các đơn vị khác; giám sát công tác thu hồi nợ quá hạn.
- 3.4. Hội đồng xử lý tài sản: tham vấn, đề xuất ý kiến cho HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc tổ chức quản lý, sử dụng, mua bán có hiệu quả các tài sản của Ngân hàng Nam Á.
- 3.5. Hội đồng Nhân sự - Tiền lương: xem xét các vấn đề liên quan đến chế độ tuyển dụng, tiền lương của CBNV Ngân hàng Nam Á.
- 3.6. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: đề xuất, đánh giá kết quả công tác thi đua khen thưởng tại Ngân hàng Nam Á.
- 3.7. Hội đồng xử lý kỷ luật: tham vấn cho HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quyết định xử lý kỷ luật cán bộ nhân viên vi phạm kỷ luật trong toàn hệ thống Ngân hàng Nam Á.
- 3.8. Hội đồng xử lý rủi ro: xem xét việc trích lập dự phòng rủi ro, quyết định xử lý rủi ro theo quy định, giám sát công tác thu hồi nợ.
- 3.9. Ban Tài chính: giám sát, theo dõi, kiểm tra nguồn vốn, sử dụng vốn; tham vấn đề xuất ý kiến cho HĐQT trong việc quyết định kế hoạch chi tiêu, mua sắm tài sản.
- 3.10. Văn phòng HĐQT: giúp HĐQT tổng hợp, quản trị hoạt động Ngân hàng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và chương trình, kế hoạch công tác đã được HĐQT thông qua; tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng quản trị hoạt động Ngân hàng Nam Á
- 3.11. Ban kiểm toán nội bộ: thực hiện công tác kiểm toán hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á
- 3.12. Phòng Tín dụng cá nhân: tham mưu cho Tổng Giám đốc và thực hiện nghiệp vụ tín dụng đối với khách hàng cá nhân.
- 3.13. Phòng Tín dụng Doanh nghiệp: tham mưu cho Tổng Giám đốc và thực hiện nghiệp vụ tín dụng đối với khách hàng là tổ chức kinh tế.
- 3.14. Phòng Thẩm định: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc về công tác tiếp nhận, tái thẩm định hồ sơ tín dụng, thẩm định dự án đầu tư.

- 3.15. Phòng Thanh toán quốc tế: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành và thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế và các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán quốc tế.
- 3.16. Phòng Kế toán: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc thực hiện công tác kế toán, thực hiện các chế độ thu chi tài chính, kiểm kê tài sản, tiền mặt,...
- 3.17. Phòng Quản lý thẻ: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc thực hiện nghiệp vụ, quản trị rủi ro trong hoạt động phát hành, thanh toán thẻ và phát triển sản phẩm thẻ.
- 3.18. Phòng Ngân quỹ: tham mưu, giúp Tổng Giám Đốc quản lý kho quỹ tuyệt đối an toàn; thực hiện công tác ngân quỹ.
- 3.19. Phòng Nguồn vốn: tham mưu, giúp Tổng Giám Đốc thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, quản lý nguồn vốn
- 3.20. Phòng Công nghệ thông tin: tham mưu, giúp Tổng Giám Đốc trong việc trang bị, quản lý, khai thác, vận hành, nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin.
- 3.21. Phòng Marketing: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc thực hiện mọi hoạt động liên quan đến công tác nghiên cứu thị trường, chăm sóc khách hàng, quảng bá thương hiệu và các hoạt động marketing khác.
- 3.22. Phòng Pháp chế -Thu hồi nợ: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc soạn thảo các văn bản, hợp đồng,...; tư vấn về pháp chế; lập thủ tục khởi kiện, tham gia công tác thu hồi nợ.
- 3.23. Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ: kiểm tra giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Ngân hàng Nam Á; tự kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- 3.24. Phòng Kế hoạch - Đầu tư: tham mưu, giúp Tổng Giám Đốc trong công tác xây dựng chiến lược phát triển toàn Ngân hàng; xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới Chi nhánh, phát triển nghiệp vụ mới; xây dựng kế hoạch kinh doanh tài chính.
- 3.25. Phòng Nhân sự: tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý nhân sự toàn hệ thống, thực hiện các công tác phát triển nhân sự và tổ chức của Ngân hàng Nam Á.
- 3.26. Phòng Hành chánh quản trị: tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các công tác hành chánh, quản trị tài sản của Ngân hàng Nam Á.
- 3.27. Ban TIFA: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc xây dựng, triển khai chương trình công nghệ hiện đại hóa ngân hàng.
- 3.28. Ban Đầu tư - Chứng khoán: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán.
- 3.29. Ban Đào tạo nguồn nhân lực: tham mưu cho HĐQT và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của Ngân hàng Nam Á.

- 3.30. Ban Xây dựng Quy chế- Quy trình nghiệp vụ: tham mưu, giúp Tổng Giám đốc thực hiện công tác soạn thảo quy chế, quy trình nghiệp vụ của Ngân hàng Nam Á và thực hiện góp ý, thẩm định, soạn thảo văn bản sửa đổi bổ sung các quy chế, quy trình nghiệp vụ hiện hành.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng Nam Á

4.1. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân Hàng Nam Á để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

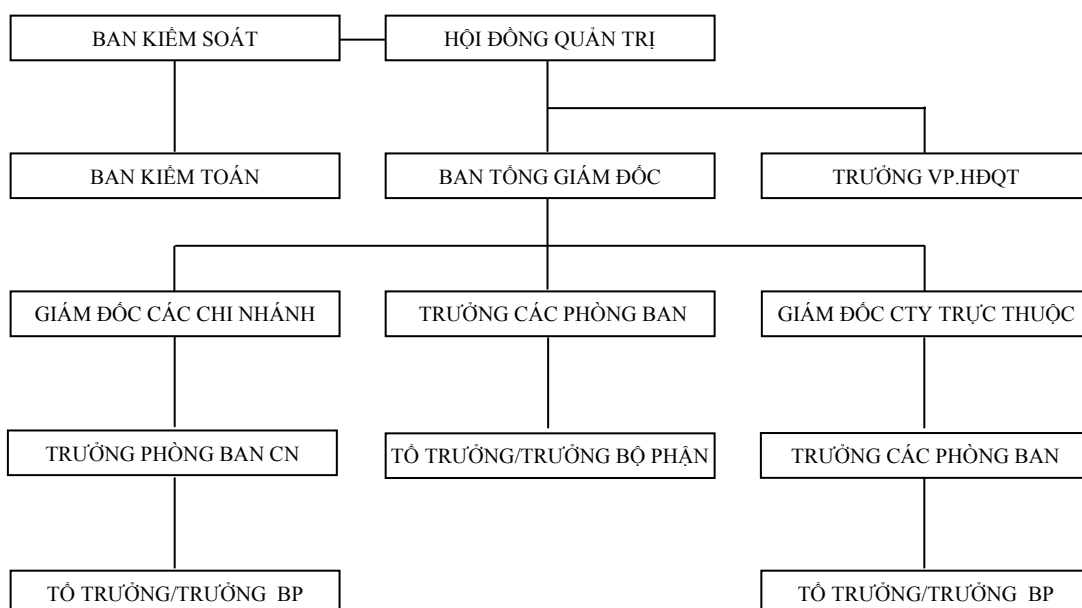
4.2. Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng Nam Á; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ; trực tiếp điều hành, quản lý Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Nam Á.

4.3. Tổng Giám đốc:

Tổng Giám Đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân Hàng Nam Á.

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng Nam Á



5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 30/06/2007:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Tỷ lệ %
01	Lê Đình Trương	B3 CX Đê Bá Lăng, Bùi Đình Túy, P.24, Q.Bình Thạnh	14,22
02	Trần Thị Hương	141 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, TP.HCM	13,09
03	Châu Huệ Đường	203 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3	13,85
04	Nguyễn Quốc Mỹ	141 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, TP.HCM	7,31
05	Phan Đình Tân	27A Bàn Cờ, P.3, Q.3, TP.HCM	6,15
06	Nguyễn Chấn	141 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, TP.HCM	5,14

6. Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 30/06/2007:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % cổ phần nắm giữ
Tổ chức	3	2.341.632	4,06
Cá nhân Việt Nam	1.361	55.250.842	95,94
Tổng cộng	1.364	57.592.474	100

7. Công ty trực thuộc Ngân hàng Nam Á:

- Tên công ty : CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN
- Địa chỉ : 97 Nguyễn Thái Bình, Quận I, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 9 147 052 Fax: (84.8) 9 147 238
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 VNĐ
- CNĐKKD : 4104000202
- Ngành, nghề kinh doanh: xử lý tài sản đảm bảo nợ vay; tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất; chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng Nam Á theo giá thị trường. Mua bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng khác, của công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật; thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á.
- Ngân hàng TMCP Nam Á cấp vốn 100%.

8. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á

Tình hình hoạt động của Ngân hàng Nam Á năm 2005 và 2006 được phản ánh qua các số liệu như sau:

8.1. Huy động vốn:

Số liệu phản ánh kết quả huy động của Ngân hàng Nam Á trong hai năm 2005 và 2006:

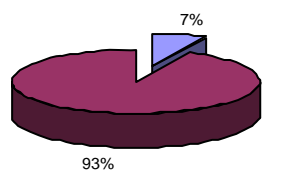
ĐVT: Triệu đồng VN

HUY ĐỘNG	Năm 2005		Năm 2006	
	Số dư	Tỷ trọng (%)	Số dư	Tỷ trọng (%)
❖ Thị trường I	1.185.195	85	1.894.749	60
• <i>Phân theo khách hàng</i>				
+ Tổ chức kinh tế	72.406	6	137.052	7
+ Dân cư	1.112.789	94	1.757.697	93
• <i>Phân theo kỳ hạn</i>				
+ Không kỳ hạn	65.073	5	106.262	6
+ Kỳ hạn ≤ 12 tháng	1.033.978	88	1.628.476	86
+ Kỳ hạn >12 tháng	86.144	7	160.011	8
• <i>Phân theo loại tiền</i>				
+ VNĐ	768.712	65	1.496.243	79
+ Ngoại tệ	416.483	35	398.506	21
❖ Thị trường II	206.530	15	1.262.879	40
❖ Tổng vốn huy động	1.391.725	100	3.157.628	100

Tổng vốn huy động năm 2006 tăng 127% so với 2005. Trong đó, huy động từ thị trường I năm 2006 tăng so với 2005 là 60%, đây là một yếu tố khẳng định sự ổn định về nguồn vốn của Ngân hàng Nam Á, một nhân tố giúp thúc đẩy tăng quy mô đầu tư tín dụng của toàn ngân hàng. Bên cạnh đó, nguồn vốn huy động trên thị trường II tăng trưởng đột phá (năm 2006 tăng 511% so với 2005), khẳng định uy tín của Ngân hàng Nam Á đối với các tổ chức tín dụng ngày càng lớn mạnh, điều này giúp Ngân hàng Nam Á nâng cao khả năng thanh khoản của mình.

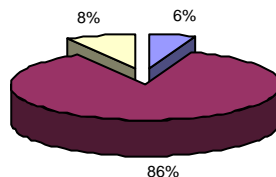
BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN CƠ CẤU VỐN HUY ĐỘNG TRÊN THỊ TRƯỜNG I NĂM 2006

PHÂN THEO KHÁCH HÀNG



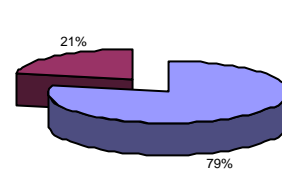
■ Tổ chức kinh tế ■ Dân cư

PHÂN THEO KỶ HẠN



■ Không kỳ hạn ■ Kỳ hạn ≤ 12 tháng
■ Kỳ hạn > 12 tháng

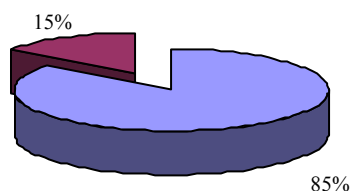
PHÂN THEO LOẠI TIỀN



■ VNĐ ■ Ngoại tệ

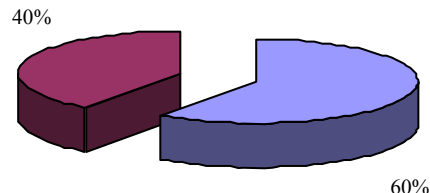
BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN CƠ CẤU VỐN HUY ĐỘNG NĂM 2005 VÀ 2006

NĂM 2005



■ Thị trường 1 ■ Thị trường 2

NĂM 2006



■ Thị trường 1 ■ Thị trường 2

8.2. Hoạt động tín dụng:

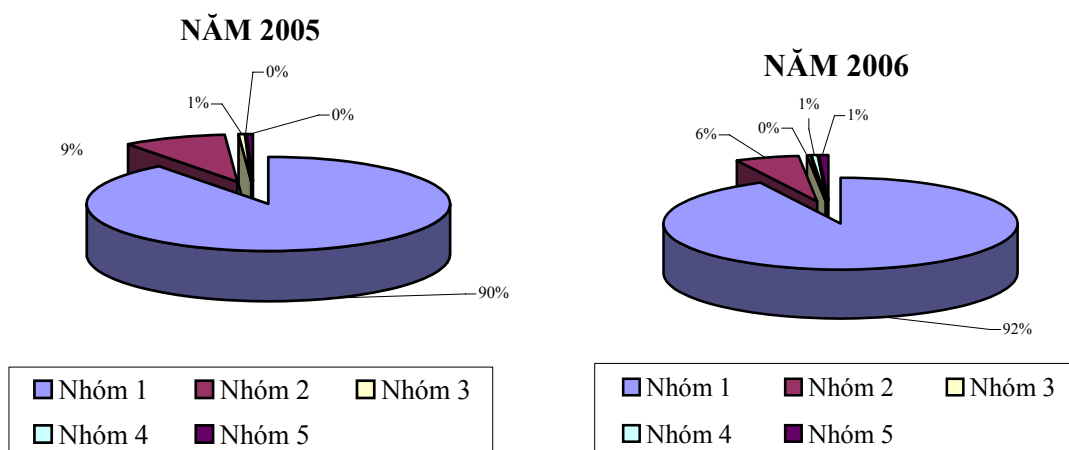
Số liệu phản ánh hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nam Á trong hai năm 2005 và 2006:

ĐVT: Triệu đồng VN

CHỈ TIÊU	Năm 2005	Năm 2006	±%
Tổng dư nợ cho vay	1.247.094	2.040.997	+ 63,66
Dự phòng rủi ro tín dụng	(1.735)	(6.544)	+ 277,18
Dư nợ cho vay:	1.248.829	2.047.541	+ 63,96
+ Nhóm 1	1.120.843	1.892.750	+ 68,87
+ Nhóm 2	113.042	121.588	+ 7,56
+ Nhóm 3	6.396	3.061	- 52,14
+ Nhóm 4	3.332	13.741	+312,39
+ Nhóm 5	5.216	16.401	+214,44
Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ vay	1.20%	1.62%	

Dư nợ cho vay năm 2006 tăng 63.96% so với năm 2005, tuy dư nợ tín dụng tăng trưởng mạnh nhưng Ngân hàng Nam Á vẫn khống chế được tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 2% và Ngân hàng Nam Á đã trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ xấu theo quy định của NHNN.

BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN CƠ CẤU DƯ NỢ VAY NĂM 2005 VÀ 2006



8.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế:

Số liệu phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán trong hai năm 2005 và 2006:

ĐVT: Ngàn USD

CHỈ TIÊU	Năm 2005	Năm 2006	±%
Doanh số mua, bán ngoại tệ	116.614,82	150.626,40	+ 29,17
+ Doanh số mua	58.049,44	75.731,79	+ 30,46
+ Doanh số bán	58.565,38	74.894,61	+ 27,88
Doanh số thanh toán quốc tế	26.067,50	38.936,73	+ 49,37
+ Thanh toán xuất khẩu	6.040,60	12.221,33	+ 102,32
+ Thanh toán nhập khẩu	20.026,90	26.715,40	+ 33,40

Với chủ trương gia tăng dịch vụ, trong năm 2006 Ngân hàng Nam Á đã đẩy mạnh dịch vụ kinh doanh ngoại tệ, thanh toán quốc tế và kết quả đạt được là doanh số mua, bán ngoại tệ tăng 29,17% so với năm 2005; doanh số thanh toán quốc tế tăng 49,37% so với năm 2005, trong đó thanh toán xuất khẩu tăng vượt bậc là 102,32% đã giúp Ngân hàng tăng thu dịch vụ và chủ động được nguồn ngoại tệ đáp ứng nhu cầu thanh toán của các DN nhập khẩu.

8.4. Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2005, năm 2006 và 9 tháng đầu năm 2007:

Năm 2006 là năm thị trường tài chính có nhiều diễn biến phức tạp (lãi suất huy động tăng cao, giá vàng tăng mạnh và biến động bất thường...), cạnh tranh trên thị trường ngày càng mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nam Á đã đạt được những kết quả hoạt động kinh doanh khả quan.

Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng Nam Á tăng trưởng nhanh và vững trong năm 2006, tăng 86,65% so với năm 2005. Về các chỉ tiêu và các tỷ lệ an toàn, Ngân hàng Nam Á luôn đảm bảo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, đặc biệt các chỉ tiêu về hệ số an toàn vốn, tỷ lệ thanh khoản, trạng thái ngoại tệ, tỷ lệ sử dụng vốn cho việc đầu tư tài sản cố định... luôn luôn được đảm bảo.

Kết quả hoạt động của 9 tháng đầu năm 2007 vẫn tăng trưởng mạnh, tổng tài sản tăng 20,80% so với đầu năm, lợi nhuận trước thuế tăng 35,07% so với năm 2006. Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (chính thức đi vào hoạt động ngày 17/01/2007) chưa hiệu quả, chênh lệch thu-chi là - 41.904.820 VNĐ nhưng không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2007 của toàn Ngân hàng TMCP Nam Á.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005, năm 2006 và 9 tháng đầu năm 2007 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

ĐVT: Triệu đồng VN

Chỉ tiêu	2005	2006	30/09/2007
Tổng tài sản	1.605.244	3.884.440	4.692.317
Thu nhập từ lãi	51.063	126.198	106.252
Thu nhập ngoài lãi	(21.939)	(72.236)	(33.364)
Lợi nhuận trước thuế	29.124	53.962	72.888
Lợi nhuận sau thuế	20.970	39.140	59.398

8.5. Hoạt động ngân hàng đại lý:

Đến nay, Ngân hàng Nam Á đã có quan hệ đại lý với 209 ngân hàng nước ngoài và 07 ngân hàng Việt nam, danh sách các ngân hàng đại lý: đính kèm phụ lục VI.

8.6. Thị trường hoạt động:

8.6.1. **Mạng lưới chi nhánh:** 14 Chi nhánh, 24 Phòng Giao dịch (phụ lục VII)

8.6.2. **Sản phẩm dịch vụ:** Ngân Hàng Nam Á đã và đang triển khai các sản phẩm dịch vụ:

a. Sản phẩm tiền gửi:

- **Tiền gửi thanh toán:** sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại bất kỳ địa điểm giao dịch nào trong hệ thống Ngân hàng Nam Á
 - Tiền gửi không kỳ hạn: hưởng lãi suất không kỳ hạn.
 - Tiền gửi có kỳ hạn: hưởng lãi suất theo kỳ hạn gửi.
- **Tiền gửi tiết kiệm:** được hưởng lãi suất và có thể cầm cố sổ tiết kiệm để vay vốn.
 - Tiết kiệm không kỳ hạn: hưởng lãi suất không kỳ hạn.
 - Tiết kiệm có kỳ hạn: hưởng lãi suất theo kỳ hạn gửi.

b. Sản phẩm tín dụng:

▪ **Cho vay bổ sung vốn lưu động**

Hỗ trợ nguồn vốn lưu động hoặc đầu tư phát triển mua máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận chuyển, nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng nhà xưởng,...

Số tiền cho vay, phương thức trả nợ và thời gian cho vay được xác định phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh, chu kỳ sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ vay của khách hàng.

▪ **Cho vay thực hiện dự án đầu tư**

Đáp ứng mọi nhu cầu vốn của DN nhằm thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

▪ **Cho vay hợp vốn**

Ngân hàng Nam Á phối hợp với một số TCTD khác cùng cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, Ngân hàng Nam Á làm đầu mối dàn xếp, phối hợp với các TCTD khác. Việc cho vay hợp vốn thực hiện theo quy định của Quy chế cho vay và Quy chế đồng tài trợ của các TCTD do Thống đốc NHNN ban hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nam Á.

▪ **Cho vay theo hạn mức thấu chi**

Là việc cho vay mà Ngân hàng Nam Á thỏa thuận bằng văn bản chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng phù hợp với các quy định của Chính phủ và NHNN Việt Nam về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

▪ **Cho vay tài trợ xuất, nhập khẩu**

Tài trợ cho các DN có nhu cầu bổ sung vốn để nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa... và cần hỗ trợ các vấn đề về thương mại quốc tế.

Tài trợ cho các DN hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ có nhu cầu bổ sung vốn lưu

động để thu mua, sản xuất, gia công hàng xuất khẩu: thông qua hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu.

Tài trợ cho các DN có nhu cầu bổ sung vốn để nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa,...

▪ **Cho vay tiêu dùng**

Tài trợ vốn cho khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tiêu dùng như mua sắm vật dụng gia đình, mua xe, thanh toán học phí, đi du lịch, chữa bệnh, ma chay, cưới hỏi, mua nhà, nền nhà hay xây dựng, sửa chữa nhà, trang trí nội thất,... và các nhu cầu thiết yếu khác trong cuộc sống.

▪ **Cho vay cầm cố, chiết khấu sổ tiết kiệm, chứng từ có giá**

Hỗ trợ nguồn vốn cho khách hàng có sổ tiết kiệm và các chứng từ có giá khác do Ngân hàng Nam Á hoặc ngân hàng khác phát hành nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng hợp pháp.

▪ **Cho vay du học**

Là chương trình cho vay dành cho phụ huynh hoặc người bảo lãnh cho du học sinh đang hoặc dự định theo học ở nước ngoài cần nguồn tài chính để trang trải các khoản học phí, chi phí ăn ở sinh hoạt,... Ngoài ra Ngân hàng Nam Á còn hỗ trợ khách hàng trong việc:

- Xác nhận năng lực tài chính: cung cấp các chứng từ nhằm khẳng định khả năng tài chính của người đi du học;
- Bán ngoại tệ để thanh toán các chi phí du học, cấp giấy xác nhận chuyển ngoại tệ ra nước ngoài;
- Chuyển tiền: thanh toán chi phí du học.

▪ **Cho vay hợp tác lao động**

Sản phẩm cho vay hợp tác lao động là chương trình cho vay các khoản chi phí sinh hoạt ban đầu, tiền mua vé máy bay,... dành cho các cá nhân có thân nhân chuẩn bị đi hợp tác lao động nước ngoài.

- Thời hạn cho vay tối đa là thời gian đi hợp tác lao động ghi trên hợp đồng với đơn vị xuất khẩu lao động.
- Hạn mức cho vay tối đa bằng tổng chi phí người lao động phải nộp cho đơn vị xuất khẩu lao động.

▪ **Cho vay trong khuôn khổ “Dự Án Tài Chính Nông Thôn 2”**

Ngân hàng Nam Á là một trong những ngân hàng được lựa chọn để thực hiện “Dự Án Tài Chính Nông Thôn II” giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới.

- Đối tượng vay: là các cá nhân có nhu cầu vay vốn để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc đầu tư dự án phát triển kinh tế nông thôn.
 - Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay **ưu đãi** do Ngân hàng Nam Á quy định tại từng thời điểm vay vốn.
- c. Dịch vụ bảo lãnh: Ngân hàng Nam Á thực hiện các dịch vụ bảo lãnh như sau:
- **Bảo lãnh vay vốn**: là cam kết của Ngân hàng Nam Á với bên nhận bảo lãnh, về việc sẽ trả nợ thay cho khách hàng trong trường hợp khách hàng không trả hoặc không trả đầy đủ, đúng hạn nợ vay đối với bên nhận bảo lãnh.
 - **Bảo lãnh thanh toán**: là cam kết của Ngân hàng Nam Á với bên nhận bảo lãnh, về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng trong trường hợp khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình khi đến hạn.
 - **Bảo lãnh dự thầu**: là cam kết của Ngân hàng Nam Á với bên mời thầu, để bảo đảm nghĩa vụ tham gia dự thầu của khách hàng. Trường hợp, khách hàng phải nộp phạt do vi phạm quy định đấu thầu mà không nộp hoặc không nộp đầy đủ tiền phạt cho bên mời thầu thì Ngân hàng Nam Á sẽ thực hiện thay.
 - **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng**: là cam kết của Ngân hàng Nam Á với bên nhận bảo lãnh, bảo đảm việc thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của khách hàng theo hợp đồng đã ký kết với bên nhận bảo lãnh. Trường hợp khách hàng vi phạm hợp đồng và phải bồi thường cho bên nhận bảo lãnh mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Nam Á sẽ thực hiện thay.
 - **Bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm**: là cam kết của Ngân hàng Nam Á với bên nhận bảo lãnh, bảo đảm việc khách hàng thực hiện đúng các thỏa thuận về chất lượng của sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết với bên nhận bảo lãnh. Trường hợp khách hàng vi phạm chất lượng sản phẩm và phải bồi thường cho bên nhận bảo lãnh mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Nam Á sẽ thực hiện thay.
 - **Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước**: là cam kết của Ngân hàng Nam Á với bên nhận bảo lãnh về việc bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng đã ký kết với bên nhận bảo lãnh. Trường hợp khách hàng vi phạm hợp đồng và phải hoàn trả tiền ứng trước mà không hoàn trả hoặc hoàn trả không đầy đủ thì Ngân hàng Nam Á sẽ thực hiện thay.

- “**Bảo lãnh đối ứng**” là cam kết của Ngân hàng Nam Á (bên bảo lãnh đối ứng) với bên bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính cho bên bảo lãnh, trong trường hợp bên bảo lãnh thực hiện bảo lãnh và phải trả thay cho khách hàng của bên bảo lãnh đối ứng với bên nhận bảo lãnh.
 - “**Xác nhận bảo lãnh**” là cam kết bảo lãnh của Ngân hàng Nam Á (bên xác nhận bảo lãnh) đối với bên nhận bảo lãnh, về việc bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của bên bảo lãnh đối với khách hàng.
 - Các loại bảo lãnh khác pháp luật không cấm và phù hợp với thông lệ quốc tế.
- d. Dịch vụ Bao thanh toán:
- **Bao thanh toán trong nước:** Ngân hàng Nam Á thực hiện bao thanh toán dựa trên hợp đồng mua, bán hàng, trong đó bên bán hàng và bên mua hàng là người cư trú theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
 - **Bao thanh toán xuất-nhập khẩu:** Ngân hàng Nam Á thực hiện bao thanh toán dựa trên hợp đồng xuất-nhập khẩu.
- e. Dịch vụ chuyển tiền:
- **Chuyển tiền trong nước:** khách hàng chuyển tiền cho người thân, bạn bè hay đối tác nhận tiền tại các đơn vị thuộc hệ thống Ngân hàng Nam Á (người nhận có hoặc không có tài khoản tại Ngân hàng Nam Á) hoặc nhận tại bất kỳ Ngân hàng khác.
 - **Chuyển tiền nước ngoài:** Ngân hàng Nam Á thực hiện yêu cầu của Khách hàng chuyển tiền đến bất cứ ngân hàng nào ở nước ngoài một cách nhanh chóng và an toàn thông qua hệ thống chuyển tiền quốc tế SWIFT. Việc chuyển tiền được thực hiện cho những mục đích hợp pháp tuân thủ quy định hiện hành của NHNN về quản lý ngoại hối.
 - **Dịch vụ nhận tiền:** khách hàng nhận tiền chuyển đến không cần có tài khoản tại Ngân hàng Nam Á.
 - **Dịch vụ nhận tiền nhanh Western Union:** giúp khách hàng tại Việt Nam nhận tiền chuyển về từ bất cứ nơi nào trên thế giới.
- f. Dịch vụ thanh toán quốc tế :
- Là thành viên của Hiệp Hội Tài Chính Viễn Thông Liên Ngân Hàng toàn Cầu (SWIFT), với mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp thế giới, Ngân hàng Nam Á sẵn sàng cung cấp cho doanh nghiệp các dịch vụ thanh toán quốc tế một cách **an toàn, bảo mật, nhanh chóng:**
 - Thực hiện mở, tu chỉnh, thanh toán, thông báo tín dụng thư
 - Nhận, gửi, thanh toán theo phương thức nhờ thu (DP, DA)

g. Dịch vụ kinh doanh ngoại tệ:

- **Giao dịch giao ngay (spot):** Ngân hàng Nam Á thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ / vàng với khách hàng theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và kết thúc thanh toán trong vòng 2 (hai) ngày làm việc tiếp theo
- **Giao dịch có kỳ hạn (forward):** Ngân hàng Nam Á và khách hàng cam kết sẽ mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ / vàng theo một mức tỷ giá xác định và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định trong tương lai.

h. Dịch vụ Ngân quỹ :

- **Chi lương hộ:** nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý nhân sự cũng như nguồn tiền cho doanh nghiệp, Ngân hàng Nam Á sẽ thay mặt doanh nghiệp thực hiện chi trả lương vào tài khoản cho mỗi CB-CNV theo danh sách được cung cấp, thông tin hoàn toàn bảo mật.
- **Cất giữ hộ chứng từ có giá, tiền, kim loại quý** (Ngân hàng Nam Á không chịu trách nhiệm kiểm định chất lượng): Ngân hàng Nam Á cung cấp dịch vụ cất giữ hộ chứng từ có giá, tiền, kim loại quý.
- Kiểm và đếm hộ VND, USD, vàng.
- Thu chi tiền mặt tại nơi khách hàng yêu cầu.
- Vận chuyển tiền theo yêu cầu của khách hàng trong địa bàn TP.Hồ Chí Minh.

i. Các dịch vụ khác:

- Xác nhận số dư.
- Thanh toán thẻ quốc tế (Master Card, Visa Card).
- Tiếp nhận các DN làm đại lý thu đổi ngoại tệ cho Ngân hàng Nam Á.

8.6.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Thị phần hoạt động của Ngân hàng Nam Á so với các Ngân hàng TMCP trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh thông qua hai chỉ tiêu huy động và cho vay:

ĐVT: Triệu đồng VN

Chỉ tiêu	Huy động		Cho vay	
	2005	2006	2005	2006
Ngân hàng Nam Á	1.391.725	3.157.628	1.247.094	2.040.997
NHTMCP	66.456.000	114.369.000	56.774.000	96.500.000
Tỷ trọng (%)	2,09	2,76	2,20	2,12

(Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động ngân hàng trên địa bàn TP.HCM năm 2005 và 2006)

Năm 2006, các Ngân hàng đều có tốc độ phát triển rất mạnh, huy động tăng 72%, dư nợ tăng 70%, hòa chung tốc độ phát triển của các ngân hàng, Ngân hàng Nam Á đã phân đầu tăng trưởng các dịch vụ và giữ vững thị phần hoạt động.

8.7. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện:

8.7.1. Dự án xây dựng trụ sở mới Ngân hàng Nam Á tại 201-203 Cách Mạng Tháng tám, Quận 3, TP. HCM:

- Tổng trị giá của dự án: 400 tỷ đồng
- Trị giá đã thanh toán: 214 tỷ đồng (mua đất)
- Dự kiến thời gian xây dựng là 24 tháng kể từ ngày được các cơ quan chức năng cấp phép xây dựng

8.7.2. Dự án Thẻ Ngân hàng:

Ngân hàng Nam Á và Ngân hàng Đông Á đang xúc tiến việc ký kết hợp tác trong lĩnh vực phát hành và thanh toán thẻ, Ngân hàng Đông Á hỗ trợ về đào tạo nhân lực; giới thiệu đối tác cung cấp máy móc, thiết bị; cung cấp tài liệu liên quan đến quy trình phát hành, thanh toán thẻ;...

8.7.3. Dự án đầu tư hiện đại hóa Công nghệ Ngân hàng

- Triển khai chương trình Quản lý nghiệp vụ Ngân hàng (Core Banking).
- Triển khai các điểm giao dịch tự động (máy rút tiền tự động ATM, POS)
- Xây dựng hệ thống máy chủ, hệ thống an ninh mạng,....

8.7.4. Dự án thành lập công ty chứng khoán

- NHNN đã có công văn số 623/QĐ-NHNN ngày 27/03/2007 chấp thuận cho phép Ngân hàng Nam Á thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Nam Á.
- Ngân hàng Nam Á đang hoàn tất hồ sơ trình UBCKNN cấp phép thành lập và hoạt động.
- Dự kiến sẽ đặt trụ sở tại TP Hồ Chí Minh và mở Chi nhánh tại Hà Nội

8.7.5. Tham gia hợp tác đồng hành với BIDV

Ngày 05/07/2007 Ngân hàng Nam Á và BIDV đã chính thức ký kết thoả thuận hợp tác song hành các lĩnh vực: ngân hàng và đầu tư kinh doanh:

- **Trong lĩnh vực Ngân hàng**, hai bên sẽ tiến hành hợp tác về đầu tư tiền gửi, cung cấp hạn mức sử dụng vốn, sử dụng hệ thống thanh toán dịch vụ, cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, đầu tư, đồng tài trợ, đào tạo, kinh nghiệm về quản trị điều hành, phát triển hệ thống, mạng lưới.

- **Trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh**, hai bên sẽ cùng nghiên cứu về khả năng hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khu công nghiệp, du lịch, năng lượng, dịch vụ hàng không, quỹ đầu tư; Ngoài ra, hai bên sẽ cùng xác định các dự án cụ thể trong từng lĩnh vực, đánh giá hiệu quả để thống nhất các hình thức hợp tác như liên doanh, liên kết, là cổ đông chi phối, cổ đông sáng lập, cổ đông chiến lược trong các công ty cổ phần.

9. Vị thế của Ngân hàng Nam Á

Thời gian đầu mới đi vào hoạt động, Ngân hàng Nam Á chỉ có 50 cán bộ nhân viên, 3 chi nhánh với số vốn điều lệ khiêm tốn 5 tỷ đồng.

Sau 14 năm hoạt động, Ngân hàng Nam Á đã có những thay đổi rất lớn và đã có những thành tích đáng khích lệ. Trong vòng 5 năm gần đây, tốc độ tăng trưởng của Ngân hàng Nam Á luôn đạt ở mức cao, cụ thể là lợi nhuận sau thuế năm 2006 tăng 86,65% so với năm 2005, và gấp 30 lần so với năm 2000. Phân phối cổ tức năm 2006 đạt 11,12%. Mạng lưới chi nhánh phát triển rộng khắp, đến nay Ngân hàng Nam Á đã có 38 địa điểm giao dịch trên toàn quốc. Vốn điều lệ tăng gấp 115 lần, cụ thể là từ 5 tỷ đồng ban đầu đến 30/06/2007 đã đạt mức 575 tỷ đồng, dự kiến tăng lên 1.350 tỷ đồng vào cuối năm 2007.

Những năm gần đây, Ngân hàng Nam Á được biết đến là một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển ổn định và bền vững, được Ngân hàng Nhà nước đánh giá xếp loại A trong nhiều năm liền.

Năm 2006 là năm Ngân hàng Nam Á đạt được nhiều giải thưởng về thương hiệu có giá trị như: giấy chứng nhận “Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng Quốc gia” do Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam trao tặng, được kết nạp làm “Thành viên của Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam”, được người tiêu dùng bình chọn là “Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam”, và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trao tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc, góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2005.

Với nhận thức một trong những lý do chủ chốt tạo nên thành công cho một Ngân hàng chính là niềm tin yêu của khách hàng, Ngân hàng Nam Á đã nỗ lực phấn đấu, không ngừng nghiên cứu và thực hiện nhiều chính sách đổi mới về nhân sự, hiện đại hóa công nghệ thông tin, củng cố và mở rộng mạng lưới hoạt động, liên doanh – liên kết với các đối tác nước ngoài, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ,... với mong muốn mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng sử dụng các sản phẩm – dịch vụ tài chính do Ngân hàng Nam Á cung cấp. Sự tin tưởng của Khách hàng thể hiện rõ qua kết quả huy động và cho vay tăng trưởng qua các năm, năm 2006 huy động từ thị trường 1 tăng 60% , dư nợ vay tăng 63% so với năm 2005.

Không chỉ có được sự tin yêu của Khách hàng mà đối với các Ngân hàng bạn, Ngân hàng Nam Á đã tạo dựng được sự tin cậy và tốc độ gia tăng nguồn vốn huy động từ thị trường liên ngân hàng năm 2006 (tăng 511,47% so với năm 2005) là một minh chứng.

Về quan hệ quốc tế, Ngân hàng Nam Á luôn thực hiện đầy đủ các cam kết vì vậy Ngân hàng Nam Á đã là một thương hiệu quen thuộc và uy tín trên thị trường quốc tế và là người đại diện thanh toán tin cậy cho các DN Việt Nam, điều này thể hiện qua số liệu về doanh số thanh toán quốc tế luôn tăng qua các năm, cụ thể năm 2006 tăng hơn 49% so với năm 2005; danh sách các ngân hàng nước ngoài có quan hệ đại lý ngày càng tăng, đến nay Ngân hàng Nam Á đã quan hệ đại lý với 209 ngân hàng nước ngoài.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, Ngân hàng Nam Á đang nỗ lực xây dựng và thực hiện những chiến lược, chiến thuật nhằm tạo ra những bước đột phá, khẳng định vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.

10. Tình hình tài chính trong năm 2005, năm 2006 và 9 tháng đầu năm 2007:

ĐVT: Triệu đồng VN

Chỉ tiêu	2005	2006	30/09/2007
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	150.000	550.000	575.925
- Tổng TS có	1.605.244	3.884.440	4.692.317
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	16,51%	32,63%	22,97%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi	7.072.295	12.706.908	9.182.923
- Doanh số cho vay	2.993.589	3.259.448	3.050.666
- Doanh số thu nợ	2.536.573	2.493.815	2.852.398
- Nợ xấu	14.944	33.203	73.157
- Lãi trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	23,85%	22,08%	12,78%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn /Tổng số dư bảo lãnh	0	0	0
- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	1,20%	1,62%	3,25%
3. Tỷ lệ khả năng chi trả			
- Ngày hôm sau	5,46	12,43	11,12
- 2 đến 7 ngày	1,14	2,28	3,50
4. Tài sản có sinh lời / Tổng TS có nội bảng	91,56%	86,56%	86,12%

(Tính toán các hệ số trên áp dụng theo Quy định về việc xếp loại các ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 400/2004/QĐ-NHNN ngày 16/04/2004 của Thống đốc NHNN).

So với năm 2005, năm 2006 là năm Ngân hàng Nam Á tăng tốc phát triển cả về quy mô về vốn tăng 267%, tổng tài sản tăng 142%, doanh số hoạt động

huy động tăng 80%, doanh số cho vay tăng 9%; với tốc độ tăng trưởng cao thì rủi ro hoạt động ngân hàng cũng sẽ tăng do đó Ngân hàng Nam Á luôn chủ trương phát triển phải đi đôi với kiểm soát được rủi ro và luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định, tỷ lệ này năm 2006 cao hơn năm 2005: 1,9 lần; tỷ lệ khả năng chi trả tăng 2,3 lần.

11. Chính sách đối với người lao động

Thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một yếu tố được Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nam Á quan tâm, nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của một môi trường kinh doanh hiện đại.

Tính đến tháng 06/2007, tổng số CBNV Ngân hàng Nam Á là: 673 người, trong đó có 327 nam (chiếm 48,59%) và 346 nữ (chiếm 51,41%), về trình độ học vấn: có 373 người có trình độ từ đại học trở lên, chiếm tỷ lệ 55,42% (trong đó có 03 người có trình độ thạc sỹ); trình độ cao đẳng 72 người, chiếm tỷ lệ 10,70%; trình độ từ trung cấp trở xuống 228 người, chiếm tỷ lệ 33,88%.

Như vậy, hiện nay Ngân hàng Nam Á đang có nguồn nhân được đào tạo bài bản về chuyên môn và được huấn luyện tốt về nghiệp vụ. Đây sẽ là nguồn lực vô cùng quan trọng đóng góp vào sự thành công và phát triển bền vững của Ngân hàng Nam Á trong những năm tiếp theo.

▪ Chính sách đào tạo, huấn luyện

- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích CBNV tự đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.
- Xây dựng và triển khai 3 chương trình đào tạo:
 - (1): Chương trình đào tạo cho Cán bộ lãnh đạo có nguồn vốn do Ngân hàng Thế giới tài trợ trong khuôn khổ Dự án TCNT II;
 - (2): Chương trình đào tạo kiến thức cơ bản về Ngân hàng Nam Á cho nhân viên mới tuyển dụng;
 - (3): Chương trình đào tạo chuyên đề nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ đang tác nghiệp.

▪ Chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc

- Tạo điều kiện tốt nhất để CBNV phát huy sở trường làm việc, khuyến khích khả năng sáng tạo, nhạy bén và năng động của nhân viên.
- Thực hiện chính sách về lương, thưởng, đãi ngộ theo kết quả công việc, theo năng lực và cống hiến của CBNV đối với sự phát triển của Ngân hàng.
- Chính sách phát triển nghề nghiệp, tạo cơ hội thăng tiến cho các CBNV có năng lực và đạo đức tốt.
- Xây dựng văn hoá Ngân hàng, quan tâm hơn nữa đến đời sống tinh thần của CBNV: Công đoàn, Đoàn thanh niên duy trì và phát triển các Hội thao, Hội diễn văn nghệ,... nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, kỷ niệm ngày thành lập Ngân hàng Nam Á để CBNV trong toàn ngân hàng có điều kiện giao lưu, vui chơi, tạo sự đoàn kết gắn bó giữa CBNV với nhau và giữa CBNV với Ngân hàng.

12. Chính sách cổ tức

Năm 2005: trên kết quả kinh doanh của năm, căn cứ vào các quy định của Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến việc phân phối lợi nhuận, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức phân phối cổ tức 12,30%/năm và được chia bằng tiền.

Năm 2006: trên kết quả kinh doanh của năm, căn cứ vào các quy định của Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến việc phân phối lợi nhuận, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức phân phối cổ tức 11,12%/năm và được chia bằng cổ phiếu. Tuy lợi nhuận trước thuế vượt 14,81% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhưng do sự gia tăng nhanh của vốn điều lệ so với chỉ tiêu kế hoạch là 305 tỷ đồng, và đến cuối năm 2006 là 550 tỷ đồng cho nên cổ tức dự kiến phân phối có giảm so với chỉ tiêu đề ra là 12,5%/năm

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Nhiệm kỳ V:2007-2011)

❖ Ông Huỳnh Thành Chung - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Sinh ngày: 21/08/1968
- Nguyên quán: Bến Tre
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 1.008.316 cổ phần, với tổng mệnh giá 10.083.160.000 đồng, chiếm 1,751% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
- Quá trình công tác:
 - 1986 - 1988: Đi học
 - 1988 - 1990: Kế toán trưởng Xí nghiệp May Thắng Lợi.
 - 1990 - 1991: Phó giám đốc công ty TNHH Hồng Ngọc.
 - 1992 - 1996: Giám đốc Công ty TNHH Thành Công
 - 1997 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Hải Vương
 - Từ 10/07/2007: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Nam Á
- Trình độ học vấn: Tú tài

❖ Ông Nguyễn Quốc Mỹ - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Sinh ngày: 26/10/1971
- Nguyên quán: Bình Định
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 4.209.848 cổ phần, với tổng mệnh giá 42.098.480.000 đồng, chiếm 7,310% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
- Quá trình công tác:
 - 1989 - 1992 : Kinh doanh tại gia
 - 1993 - 2003 : Giám đốc Công ty TNHH Hải Vương
 - 2001- 2003 : Thành viên HĐQT Ngân hàng Nam Á
 - 2004 đến 9/07/2007: Chủ Tịch HĐQT Ngân hàng Nam Á.

- 10/07/2007 đến nay : Phó Chủ Tịch HĐQT Ngân hàng Nam Á.
- Trình độ chuyên môn: đang học Đại học Ngân hàng
- ❖ **Ông Phan Đình Tân - Ủy viên Hội đồng quản trị**
 - Sinh ngày: 10/09/1954
 - Nguyên quán: Bình Định
 - Là cổ đông thể nhân sở hữu 3.545.196 cổ phần, với tổng mệnh giá 35.451.960.000 đồng, chiếm 6,516% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
 - Quá trình công tác:
 - 1972 - 1975: thoát ly tham gia cách mạng tại Đội công tác thị trấn Bồng Sơn, thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
 - 1975 - 1976: Ủy viên thư ký UBND thị trấn Bồng Sơn, thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
 - 1977 - 1979: Học chuyên môn tại Trường Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình
 - 1980 - 1990: Cán bộ Công ty Liên hiệp Thủy sản tỉnh Nghĩa Bình.
 - 1990 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu
 - 2003 đến nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng Nam Á
 - Trình độ chuyên môn: Trung cấp Quản lý Kinh tế khóa I tại Trường trung học Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình
- ❖ **Bà Nguyễn Thị Xuân Loan - Ủy viên Hội đồng quản trị**
 - Sinh ngày: 10/06/1974
 - Nguyên quán: Bình Định
 - Là cổ đông thể nhân sở hữu 504.033 cổ phần, với tổng mệnh giá 5.040.330.000 đồng, chiếm 0,875% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
 - Quá trình công tác:
 - 1992 - 1995: Học tại Trường Richmond International College, Canada.
 - 1995 - 1996: Học tại Trường Compucollege School of Business, Canada.
 - 1996 - 1999: Học tại Trường British Columbia Institute of Technology, Canada.
 - 1999 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Sơn Hải.
 - 2005 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thanh Yến, Tổng Giám đốc Công ty Indochina Stone Việt Nam (IBS).
 - 2003 đến nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng Nam Á

- Trình độ chuyên môn:
 - Tốt nghiệp Khoa Quản trị Kinh doanh tại Trường Richmond International College, Canada.
 - Tốt nghiệp Khóa học Kế toán – Vi tính tại Trường CompuCollege School of Business, Canada.
 - Tốt nghiệp khóa học Quản lý Tài chính – Lựa chọn tài chính nghiệp đoàn tại Trường British Columbia Institute of Technology, Canada.

13.2. BAN KIỂM SOÁT (Nhiệm kỳ V:2007-2011)

❖ Ông Nguyễn Văn Dậu - Trưởng Ban Kiểm soát

- Sinh ngày: 15/01/1936
- Nguyên quán: Bình Thuận
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 10.592 cổ phần, với tổng mệnh giá 105.920.000 đồng, chiếm 0,018% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
- Quá trình công tác:
 - 1964 - 1975 : Công tác tại NHNN tỉnh Tuyên Quang và NHNN tỉnh Ninh Bình
 - 1975 - 1976 : Phó Giám đốc NHNN tỉnh Quảng Đức.
 - 1976 - 1987 : Chuyên viên Vụ Kinh tế Kế hoạch; Vụ Lưu thông tiền tệ - NHNN TW.
 - 1988 - 1989 : Chuyên viên tiền tệ NHNN khu vực I.
 - 1989 - 1996 : Trưởng phòng Tiền tệ Kho quỹ NHNN TP. Hồ Chí Minh.
 - 07/1996 - 10/1996: Công tác tại Phòng Hành chính Tổ chức Ngân hàng Nam Á
 - 11/1996 - 04/1997 : Tổng Thanh tra Ngân hàng Nam Á
 - 05/1997 - 09/1997: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á
 - 10/1997 - 02/1999: Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ Ngân hàng Nam Á
 - 03/1999 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Nam Á
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ Bà Triệu Kim Cân - Kiểm soát viên

- Sinh ngày: 05/09/1956
- Nguyên quán: Campuchia
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 120.132 cổ phần, với tổng mệnh giá 1.201.320.000 đồng, chiếm 0,209% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.

- Quá trình công tác:
 - 1966 - 1970: Học sinh trường Soài Riêng (Campuchia)
 - 1970 - 1973: Học sinh trường Nữ Trung Học tỉnh Tây Ninh.
 - 1973 - 1975: Sinh viên trường Đại học Khoa học Sài Gòn.
 - 1975 - 1978: Công tác tại Phòng Tổ chức cán bộ NHNN tỉnh Tây Ninh.
 - 1978 - 1981: Học Đại học chuyên tu Ngân hàng khóa 5
 - 1981 - 1986: Công tác tại Phòng tiền tệ NHNN tỉnh Tây Ninh
 - 1986 - 1989: Kế toán Phòng Tài vụ Công ty Cung ứng Vật tư, thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 4.
 - 1989 - 2000: Công tác tại Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Xây dựng 48, thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4.
 - 2000 - 2003: Bán thuốc tây tại CB 16 đường Nguyễn Hồng Đào, phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM.
 - 2003 đến nay: Kiểm soát viên Ngân hàng Nam Á

▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ **Ông Trang Xuân Tùng - Kiểm soát viên**

- Sinh ngày: 07/08/1955
- Nguyên quán: Trà Vinh
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 11.060 cổ phần, với tổng mệnh giá 110.600.000 đồng, chiếm 0,019% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
- Quá trình công tác:
 - 1973 - 1975: Sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Phú Thọ - Sài Gòn
 - 1975 - 1991: Giáo viên Trường Phổ thông cơ sở Xã Hiệp Hòa, Huyện Cầu Ngang, tỉnh Cửu Long.
 - 1991 - 2000: Làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - 2000 - 2004: Làm việc tại Ngân hàng TMCP Tân Việt.
 - 2004 - 09/07/2007: Làm việc tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 10/07/2007 đến nay: Kiểm soát viên Ngân hàng Nam Á.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

13.3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

❖ Ông Trương Minh Khai - Tổng giám đốc

- Sinh ngày: 31/12/1959
- Nguyên quán: Bình Định
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 37.345 cổ phần, với tổng mệnh giá 373.450.000 đồng, chiếm 0,065% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
- Quá trình công tác:
 - 1977 - 1981 : Sinh viên Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
 - 1981 - 1983: Giáo viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
 - 1983 - 1991: Trưởng phòng Kế hoạch-XNK Liên hiệp công ty xuất nhập khẩu tỉnh Nghĩa Bình (Bình Định)
 - 1992 - 2000: Trưởng phòng Thương vụ, Giám đốc điều hành, Giám đốc Công ty TNHH Bia Khánh Hòa (sau đổi thành Công ty TNHH Suối Tiên).
 - 1994 - 1996: Phó Tổng giám đốc Cty Liên doanh Bia Sanmiguell Việt Nam
 - 2000 - 2004: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu
 - 2004 - 08/2005: Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang
 - 08/2005 đến 14/11/2007: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á
 - Từ 15/11/2007 đến nay: Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á.

▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ Ông Lại Quốc Tuấn - Phó Tổng giám đốc

- Sinh ngày: 23/11/1965
- Nguyên quán: Hà Nam
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 133.740 cổ phần, với tổng mệnh giá 1.337.400.000 đồng, chiếm 0,232% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
- Quá trình công tác:
 - 1984 - 1989: Học tại Đại học Tổng Hợp
 - 1990 - 1991: công tác tại Văn phòng đại diện Cục Hàng Hải Việt Nam tại Hà Nội
 - 1991 - 1996: Chuyên viên Kinh doanh ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải

- 1996 - 1999: Giám đốc tài chính Công ty Liên doanh Hà Nội - Fortuna.
- 1999 - 2001: Phụ trách Phòng Tín dụng và Phòng Đầu tư-Chứng khoán tại Công ty Tài chính Bưu Điện
- 2001 - 2003: Trưởng Phòng Nguồn Vốn tại VIBANK
- 2003 - 02/2006: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông Chi nhánh Hà Nội
- Từ 01/04/2006 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á

▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ **Bà Võ Thị Tuyết Nga - Phó Tổng giám đốc**

- Sinh ngày: 03/05/1966
- Nguyên quán: Long An
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 20.025 cổ phần, với tổng mệnh giá 200.250.000đồng, chiếm 0,035% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
- Quá trình công tác:
 - 1985 - 1988: học tại Đại học Kinh tế
 - 1988 - 1989: nhân viên kế toán HTX mua bán Thủ thiêm
 - 1989 - 04/2006: làm việc tại Ngân hàng Nam Á, chức vụ đã kinh qua: nhân viên kế toán, Kế toán trưởng Chi nhánh, Thư ký Văn phòng HĐQT, Kiểm tra viên, Trưởng phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh.
 - 04/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

13.4. KẾ TOÁN TRƯỞNG

❖ **Bà Phạm Thị Thu Hồng – Q.Kế toán trưởng**

- Sinh ngày: 02/09/1949
- Nguyên quán: Sóc Trăng
- Là cổ đông thể nhân sở hữu 6.895 cổ phần, với tổng mệnh giá 68.950.000 đồng, chiếm 0,012% vốn cổ phần Ngân hàng Nam Á.
- Quá trình công tác:
 - 1961 - 1969: học tại trường Gia Long
 - 1970 - 1975: nhân viên kế toán Tín Nghĩa Ngân hàng
 - 05/1975 - 1979: nhân viên Ban thanh lý NHNN
 - 1980 - 2004: công tác tại Ngân hàng Công Thương CN3, các chức vụ kinh qua: nhân viên kế toán, Phó phòng kế toán.

- 10/2004 - 04/2006: Phó phòng Kế toán Ngân hàng Nam Á.
- 04/2006 đến nay: Q.Kế toán trưởng Ngân hàng Nam Á
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

14. Tài sản cố định của Ngân hàng Nam Á đến 31.12.2006: phụ lục VIII

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2007

ĐVT: Triệu đồng VN

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Tỷ lệ tăng/giảm
Tổng huy động	3.157.628	6.166.800	95,29%
Tổng dư nợ	2.047.541	4.000.000	95,36%
Tổng tài sản	3.884.440	7.458.800	92,02%
Vốn điều lệ	550.000	1.350.000	145,45%
Lợi nhuận trước thuế	53.962	110.000	103,85%
Lợi nhuận sau thuế	39.140	79.200	102,35%
ROA	1,79%	1,94%	-
ROE	16,01%	14,44%	-
Tỷ lệ cổ tức	11,12%	11,00%	-
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	32,63%	≥ 8%	-

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2007 được xây dựng trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006 và kế hoạch phát triển mạng lưới, nâng cao năng lực tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ năm 2007 và kế hoạch này đã được ĐHĐCĐ lần 15 thông qua.

PHẦN 2

CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

VI. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Trong xu thế hội nhập và phát triển, tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng giữa các TCTD, đặc biệt là các TCTD cổ phần Việt Nam với nhau đã và đang diễn ra gay gắt. Ngoài cạnh tranh về lãi suất, các ngân hàng đã không ngừng mở rộng mạng lưới kênh phân phối, tăng cường quy mô hoạt động, đa dạng hóa sản phẩm để chiếm lĩnh thị phần, nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ và tạo ra nhiều tiện ích cho khách hàng và xã hội.

Các ngân hàng bạn với số vốn điều lệ tương đối lớn và trang thiết bị tiên tiến đã đi tiên phong trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ của một ngân hàng hiện đại như dịch vụ thanh toán Online, thanh toán thẻ ... Một số ngân hàng TMCP bước đầu đã áp dụng phương pháp quản lý hiện đại, xây dựng mô hình giao dịch một cửa với các thủ tục nhanh chóng, hiệu quả đang rất hấp dẫn khách hàng. Trong khi đó, Ngân hàng Nam Á với mức vốn điều lệ còn thấp như hiện nay, chưa có điều kiện mở rộng quy mô tín dụng, đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, hoạt động kinh doanh vẫn còn tập trung vào những dịch vụ ngân hàng truyền thống, thu nhập về dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp trong tổng thu nhập.

Mặt khác, kế hoạch tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á trong năm tài chính 2007 cũng nằm trong lộ trình tăng vốn điều lệ để đảm bảo đến năm 2010 đạt 3.000 tỷ đồng theo quy định của Chính phủ.

Do đó, việc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á trong năm tài chính 2007 là rất cần thiết nhằm tăng cường tiềm lực tài chính, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, tiên tiến để có điều kiện cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và từng bước chuẩn bị cho quá trình hội nhập, bảo đảm hoạt động của Ngân hàng Nam Á được lành mạnh, an toàn và hiệu quả.

VII. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- 1. Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông
 - Loại tiền phát hành : Đồng Việt Nam (VND)
 - Hình thức cổ phiếu : Cổ phiếu có ghi tên
- 2. Mệnh giá** : 10.000 VND/cổ phần
- 3. Tổng số lượng chào bán : 77.407.526 cổ phần**
 - Tổng giá trị chào bán : **774.075.260.000 VNĐ**
- 4. Giá chào bán dự kiến** :
 - Cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên: 10.000 VND/1 cổ phần
 - Các nhà đầu tư: giá thoả thuận, Hội đồng quản trị sẽ xem xét, quyết định theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, giá bán cổ phần theo giá thị trường vào thời điểm bán, dự kiến 50.000 VND /1 cổ phần.

5. Phương pháp tính giá

Về việc xác định giá bán cho các nhà đầu tư: Ngân hàng TMCP Nam Á căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu bình quân trên thị trường OTC tại thời điểm bán (tham khảo giá trên các tạp chí chuyên ngành chứng khoán, website otc.com.vn) để đưa ra mức giá chào bán cho các nhà đầu tư và Hội đồng quản trị sẽ xem xét, quyết định giá bán cổ phần theo giá thị trường vào thời điểm bán.

6. Phương thức phân phối: tự phát hành.

7. Phương thức chào bán cho nhà đầu tư bên ngoài: chào bán riêng lẻ.

8. Thời gian phân phối cổ phiếu

Ngân hàng Nam Á hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do Ủy Ban Chứng khoán cấp có hiệu lực.

9. Đăng ký mua cổ phiếu

9.1. Thời hạn: tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Ngân hàng thông báo việc chào bán cổ phiếu.

9.2. Số lượng cổ phiếu phát hành mới cho:

- Cổ đông hiện hữu : 57.592.474 cổ phần
- Cán bộ nhân viên : 1.015.052 cổ phần
- Nhà đầu tư : 18.800.000 cổ phần

Trường hợp số cổ phần được chào bán nhưng các đối tượng nêu trên không mua hoặc mua không hết, Hội đồng quản trị sẽ quyết định chào bán số cổ phần này cho các đối tượng khác nhưng điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với cổ đông hiện hữu.

Các cổ đông, cán bộ nhân viên không nộp đủ tiền đúng thời hạn quy định xem như từ chối mua số cổ phần chưa nộp tiền, Hội đồng quản trị có quyền xử lý số cổ phần này theo nguyên tắc nêu trên.

9.3. Phương thức thanh toán: tiền mua cổ phần được thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Ngân hàng Nam Á

- Nộp tiền mặt:

- Tại Trụ sở chính Ngân hàng Nam Á: 97 Bis Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh hoặc tại các Chi nhánh, Phòng Giao dịch Ngân hàng Nam Á trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.
- Tại Ngân hàng Nam Á – Chi nhánh Hà Nội: D8 Giảng Võ, Ba Đình, TP. Hà Nội

- Chuyển khoản: tài khoản phong tỏa tiền mua cổ phiếu với số hiệu tài khoản: 4521.01.00.000001 tại Ngân hàng TMCP Nam Á.

9.4. Thời hạn chuyển nhượng:

Cổ đông (không phải là cán bộ nhân viên) và nhà đầu tư bên ngoài: được chuyển quyền sở hữu cổ phần phát hành lần này dưới các hình thức mua,

bán, cho, tặng, trao đổi theo quy định của pháp luật, cổ phiếu được sử dụng làm tài sản cầm cố vay vốn tại các TCTD khác (trừ Ngân hàng Nam Á) khi được các TCTD này chấp nhận, kể từ thời điểm Ngân hàng Nam Á được các cơ quan quản lý Nhà nước chính thức ghi nhận mức vốn điều lệ mới.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Đối với cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư bên ngoài: không có hạn chế
- Đối với cán bộ nhân viên được mua cổ phần theo tiêu chuẩn cán bộ nhân viên của đợt phát hành này: cổ phần không được chuyển quyền sở hữu dưới mọi hình thức trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày phát hành.

11. Các loại thuế có liên quan

- Ngân hàng Nam Á nộp thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành liên quan đến cổ phiếu chào bán (nếu có).
- Người sở hữu cổ phiếu của Ngân hàng Nam Á chịu trách nhiệm nộp thuế thu nhập và các loại thuế khác có liên quan đến số cổ phiếu được mua từ đợt chào bán (nếu có).

12. Các quy định khác về việc phát hành cổ phần

- Cổ đông phải cam kết mua đủ số cổ phần đã đăng ký;
- Cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần;
- Cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định trong Điều lệ, Quy chế nội bộ của Ngân hàng Nam Á và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Cổ đông không được rút vốn dưới bất kỳ hình thức nào.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán: tăng vốn điều lệ nhằm:

- 1.1. Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động ngân hàng như mua sắm, đầu tư tài sản cố định; cải tiến cơ sở vật chất; trang bị công nghệ ngân hàng; phát triển nguồn nhân lực.
- 1.2. Đầu tư vào các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, đầu tư dự án và vào các TCTD khác dưới hình thức góp vốn đầu tư, liên doanh, mua, bán cổ phần.
- 1.3. Đáp ứng điều kiện mở rộng mạng lưới hoạt động, thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.
- 1.4. Tăng tỷ lệ đủ vốn và khả năng thanh khoản của Ngân hàng Nam Á nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN.
- 1.5. Tăng quy mô vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh như cho vay và kinh doanh các dịch vụ ngân hàng khác, đồng thời đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.

2. Phạm vi phát hành:

- Đối với cổ đông hiện hữu: phát hành cổ phần mới cho các cổ đông hiện hữu. Cổ phần được phát hành cho tất cả các cổ đông hiện hữu có trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông tại thời điểm chốt danh sách.
- Đối với cán bộ nhân viên: phát hành cổ phần mới cho CBNV (bao gồm cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Ngân hàng Nam Á và nguồn nhân lực được mời về làm việc cho Ngân hàng Nam Á) theo tỷ lệ và tiêu chuẩn do HĐQT quy định.
- Đối với các nhà đầu tư: HĐQT sẽ xem xét, quyết định việc bán cổ phần cho các nhà đầu tư, đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng nhà đầu tư theo quy định của Nhà nước.

3. Phương án phát hành

ĐVT: Triệu đồng VN

Đối tượng và khối lượng phát hành	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
Vốn điều lệ đến 30/06/2007	575.924,74		
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	575.924,74		
Vốn điều lệ sau phát hành đợt 1	1.151.849,48		
Phát hành cho CBNV, trong đó:		10.150,52	
- CBNV hiện đang làm việc tại NHNA		5.150,52	
- Nhân lực mời từ bên ngoài		5.000,00	
Vốn điều lệ sau phát hành đợt 2		1.162.000,00	
Phát hành cho nhà đầu tư			188.000,00
Vốn điều lệ sau phát hành đợt 3			1.350.000,00
Thặng dư vốn cổ phần dự kiến sau khi phát hành đợt 3			752.000,00

Phần chênh lệch giữa giá bán thực tế cao hơn so với mệnh giá được hạch toán vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần. HĐQT sẽ tiến hành các thủ tục theo quy định trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho tăng vốn điều lệ tương ứng với phần chênh lệch này và quy thành cổ phần phân phối cho tất cả các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách và cho cán bộ nhân viên theo tiêu chuẩn, tỷ lệ do HĐQT quy định và trình ĐHCĐ quyết định.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Đầu tư, mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật

1.1. Thanh toán phần còn lại trị giá quyền sử dụng đất, xây dựng Trụ sở mới Ngân hàng Nam Á tại 201-203 Cách Mạng Tháng tám, Quận 3, TP. HCM mang tầm vóc một ngân hàng hiện đại, ngân sách dự kiến là 186 tỷ đồng được phân bổ:

- Năm 2007: 50 tỷ đồng
- Năm 2008: 80 tỷ đồng
- Năm 2009: 56 tỷ đồng

1.2. Mua mới, xây dựng trụ sở các chi nhánh, phòng giao dịch và công ty trực thuộc dự kiến mở trong năm 2007-2008, ngân sách dự kiến: 50 tỷ đồng.

2. Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại

- Nội dung đầu tư: hoàn tất dự án TIFA; xây dựng trung tâm dữ liệu (xây dựng hệ thống an ninh mạng; xây dựng hệ thống mạng WAN, LAN, xây dựng hệ thống máy chủ; hệ thống an ninh mạng; hệ thống quản trị giám sát mạng; hệ thống nguồn dự phòng); xây dựng trung tâm dự phòng; xây dựng dịch vụ ngân hàng điện tử Internet Banking, Home Banking, Mobile Banking; kết nối các ngân hàng bạn; thực hiện giao dịch một cửa.
- Ngân sách dự kiến: 30 tỷ đồng.

3. Dự án Thẻ ngân hàng

Đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật, đào tạo nhân lực, chuẩn bị các điều kiện phát hành thẻ, ngân sách dự kiến: 20 tỷ đồng.

Tổng mức đầu tư dự kiến trong năm 2007 cho 03 dự án nêu trên là 150 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện các dự án trên chủ yếu được lấy từ nguồn vốn huy động được sau khi phát hành cổ phiếu.

4. Hoạt động đầu tư

Theo kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2007, Ngân hàng Nam Á sẽ sử dụng một phần vốn huy động để tham gia đầu tư vào các doanh nghiệp, quỹ đầu tư; đầu tư dự án; đầu tư vào các TCTD khác; góp vốn, liên doanh với các đối tác nước ngoài để thành lập công ty liên doanh tại Việt Nam dưới hình thức góp vốn đầu tư, liên doanh, mua, bán cổ phần... nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Ngân sách dự kiến: 224 tỷ đồng.

5. Phát triển các sản phẩm tín dụng

Ngân hàng Nam Á sẽ sử dụng một phần vốn huy động để cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ dự án, tài trợ xuất nhập khẩu... nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng

là các doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, dịch vụ và phục vụ đời sống. Ngân sách dự kiến: 400 tỷ đồng

X. KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ, NĂNG LỰC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NAM Á ĐỐI VỚI QUY MÔ VỐN VÀ QUY MÔ HOẠT ĐỘNG SAU PHÁT HÀNH

Với đội ngũ HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành hiện nay là những người có năng lực, có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, sẽ quản trị, điều hành và kiểm soát được quy mô hoạt động tăng lên theo kế hoạch đề ra (thể hiện qua mức tăng tổng tài sản dự kiến là 92,02%, đặc biệt là mức tăng tổng dư nợ dự kiến khoảng 95,36%), đảm bảo việc sử dụng vốn một cách có hiệu quả nhất và chấp hành các tỷ lệ về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN.

XI. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG, NGÂN HÀNG NAM Á TRONG NHỮNG NĂM SẮP ĐẾN

Sự kiện Việt Nam được kết nạp là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới, tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh APEC và việc Hoa Kỳ thông qua Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) với Việt Nam đã mở ra giai đoạn mới trong hội nhập kinh tế quốc tế, mở ra cơ hội to lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài và phát triển mạnh mẽ nền kinh tế đất nước.

Gia nhập WTO, Việt Nam cam kết mở cửa hơn nữa lĩnh vực tài chính ngân hàng, do đó những cơ hội và thách thức cho những DN hoạt động trong lĩnh vực này là rất lớn và đi liền với nhau.

Về thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục được mở rộng hơn nữa và trong tương lai gần sẽ trở thành một kênh huy động vốn rất mạnh trong nền kinh tế. Theo ước tính của Công ty quản lý quỹ Dragon Capital, trong năm 2006 có khoảng 500 triệu USD vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài đổ vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Dự báo tới đây một loạt cổ phiếu của các DN lớn và hấp dẫn, một số công ty cổ phần thuộc lĩnh vực hàng không, được niêm yết sẽ làm cho giá trị vốn hóa trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM lên tới 10 tỷ USD.

Mặt khác, Chính phủ chủ trương đẩy nhanh hơn nữa chương trình tái cơ cấu toàn diện các ngân hàng thương mại, tăng cường tiềm lực tài chính và sức cạnh tranh của các ngân hàng thương mại.

Việc hội nhập sâu, rộng hơn của nền kinh tế Việt Nam vào hệ thống kinh tế khu vực và thế giới chắc chắn cũng sẽ có những tác động rất lớn đến thị trường tài chính - tiền tệ Việt Nam có thể dẫn đến những diễn biến rất phức tạp, khó lường trước. Các ngân hàng thương mại buộc phải có hướng đi đúng và kịp thời để đứng vững trước những biến động đó.

Với những dự báo về tình hình kinh tế - xã hội nói chung và thị trường tài chính tiền tệ nói riêng, ngoài các rủi ro khách quan liên quan đến môi trường kinh doanh như lạm phát, sự biến động của tỷ giá hối đoái, những chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của nhà nước, đặc biệt là chính sách tài chính, chính sách

tiền tệ, những chính sách điều hành của NHNN, những rủi ro từ phía khách hàng,... Trong năm 2007, ngành ngân hàng Việt Nam có thể sẽ gặp những rủi ro sau:

- Rủi ro lãi suất: ngoài ảnh hưởng bởi lãi suất do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) công bố, năm 2007 được dự báo mức độ cạnh tranh trong công tác huy động vốn sẽ cao hơn so với năm 2006 do sự phát triển của thị trường chứng khoán, sự cạnh tranh của các tổ chức tài chính phi ngân hàng, sự cạnh tranh trong nội bộ hệ thống ngân hàng, sự gia nhập của một số ngân hàng nước ngoài khi vào WTO,... Do đó mặt bằng lãi suất sẽ có thể tăng nhẹ trong năm 2007 và sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Rủi ro thanh khoản: trong bối cảnh cạnh tranh huy động vốn được dự báo là sẽ tiếp tục "nóng" trong năm 2007, đảm bảo thanh khoản là yêu cầu rất quan trọng, cần phải có những hình thức đảm bảo và công cụ kiểm soát hiệu quả, mặt khác, các ngân hàng cũng cần có những chính sách hấp dẫn nhằm giữ chân khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới đáp ứng vốn cho nhu cầu hoạt động kinh doanh hiệu quả và an toàn của ngân hàng.
- Rủi ro tín dụng: được quyết định bởi yếu tố đầu vào quan trọng là chất lượng khách hàng tín dụng của ngân hàng. Thời gian sắp tới, việc hội nhập sâu, rộng với nền kinh tế khu vực và thế giới sẽ đặt những doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh kém vào tình thế rất khó khăn, nếu không tích cực đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

Bên cạnh những thách thức và rủi ro, ngành Ngân hàng cũng sẽ có nhiều thuận lợi trong kinh doanh:

- Nền kinh tế Việt Nam năm 2007 được dự báo tiếp tục tăng trưởng cao và ổn định sẽ tạo môi trường thuận lợi cho ngân hàng phát triển do nhu cầu về các sản phẩm - dịch vụ tài chính - ngân hàng chắc chắn sẽ còn tăng cao.
- Thị trường cho vay tiêu dùng còn rất nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là ở những trung tâm kinh tế lớn của đất nước như: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội mở ra những cơ hội cho Ngân hàng Nam Á phát triển hoạt động tín dụng.
- Nhu cầu thị trường về sản phẩm - dịch vụ thẻ còn rất lớn là điều kiện thuận lợi cho dự án thẻ đa năng ra đời.
- Việc đẩy mạnh trong việc hiện đại hóa ngân hàng sẽ tạo điều kiện phục vụ tốt cho việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ cũng như nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

Qua những nhận định về khó khăn cũng như thuận lợi nêu trên, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nam Á hướng đến mục tiêu cao nhất là phát triển nhanh, vững chắc, an toàn và hiệu quả. Phát triển ngân hàng hướng vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, trở thành ngân hàng đa năng và nằm trong số ngân hàng thương mại hàng đầu ở khu vực TP. Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á
- 3. Phụ lục III&IV:**
 - Báo cáo kiểm toán và các báo cáo tài chính năm 2005;
 - Báo cáo kiểm toán và các báo cáo tài chính năm 2006;
 - Báo cáo kiểm toán vốn đến 30/09/2007;
 - Báo cáo tài chính Quý III năm 2007 của Ngân hàng TMCP Nam Á;
 - Báo cáo tài chính Quý III năm 2007 của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản.
- 4. Phụ lục V:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS
- 5. Phụ lục VI:** Danh sách các ngân hàng đại lý
- 6. Phụ lục VII:** Danh sách các Chi nhánh, Phòng giao dịch Ngân hàng Nam Á
- 7. Phụ lục VIII:** Danh sách tài sản cố định thuộc sở hữu Ngân hàng Nam Á
- 8. Phụ lục IX:** Hồ sơ khác liên quan đến việc chào bán cổ phiếu
 - Công văn số 1459/NHNN-HCM02 ngày 28/09/2007 của Ngân hàng Nhà nước-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả xếp loại năm 2006 đối với Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Văn bản số 369/2007/CVQT-NHNA ngày 27/11/2007 về việc Ngân hàng TMCP Nam Á cam kết việc tăng vốn từ 550 tỷ lên 575.924.740.000 đồng bằng nguồn cổ tức năm 2006 là chính xác và hợp lý.

PHỤ LỤC VIII**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA NGÂN HÀNG NAM Á ĐẾN NGÀY 31/12/2006**

TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	18,624,151,655	5,392,873,322	13,231,278,333
1. Nhà 97 Bis Hàm Nghi, Q1, TP.HCM	4,211,215,775	252,672,947	3,958,542,828
2. Nhà 190Bis Trần Quang Khải, Q1, TP.HCM	1,465,552,000	542,255,472	923,296,528
3. Nhà 11 An Dương Vương, Q5, TP.HCM	1,922,972,000	1,108,431,888	814,540,112
4. Nhà 36A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q.BT, TP.HCM	3,360,945,605	1,663,565,265	1,697,380,340
5. Nhà 62A Lê Quang Sung, Q.6, TP.HCM	1,948,349,862	1,133,229,442	815,120,420
6. Nhà 93 Quang Trung, P.10, Q.Gò Vấp	4,849,245,503	533,416,983	4,315,828,520
7. Nhà 63/F26 Quang Trung-P10-GV	555,500,000	61,104,978	494,395,022
8. Nhà 41 Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang	265,280,000	88,426,665	176,853,335
9. Kho quỹ	45,090,910	9,769,682	35,321,228
MÁY MÓC THIẾT BỊ	10,822,988,978	5,278,523,992	5,544,464,986
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	9,042,368,260	2,812,506,319	6,229,861,941
THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	188,085,463	93,006,662	95,078,801
TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC	1,170,373,344	461,308,751	709,064,593
TSCĐ VÔ HÌNH	36,020,492,762	394,173,664	31,658,154,622
1. Quyền sử dụng đất 97 Bis Hàm Nghi, Q1, TPHCM	18,044,123,000	0	18,044,123,000
2. QSD đất số 66 đường số 10 Trưng Sơn, Bình Chánh	3,968,164,476		
2. Quyền sử dụng đất 41 NTMK, Nha Trang	11,871,647,273	0	11,871,647,273
3. Vạn ninh	634,533,000	0	634,533,000
4. Phần mềm vi tính	1,502,025,013	394,173,664	1,107,851,349
TỔNG CỘNG	75,868,460,462	14,432,392,710	57,467,903,276